

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG DIỄN NGÔN TỤC NGỮ

SOME METHODS OF EXPRESSION
IN DISCOURSE PROVERBS

NGÔ THỊ THANH QUÝ
(TS, Khoa Ngữ văn, ĐHSP, Đại học Thái Nguyên)

Astract

A proverb is a condensed but memorable saying embodying some important fact of experience that is taken as true by many people. The article emphasises typical features of proverbs such as: brief logic structures, rhythmes, symmetry of words, expressiveness,...

LTS. Việc tác giả coi tục ngữ là một “diễn ngôn”, mặc dù đã được biện luận, nhưng vẫn gây nên ý kiến khác nhau giữa các nhà ngữ pháp học mà BBT tham khảo ý kiến.

1. Có nhiều quan niệm khác nhau về diễn ngôn. Thuật ngữ “diễn ngôn” được các nhà ngôn ngữ học sử dụng không hoàn toàn giống nhau. Có người cho rằng diễn ngôn thuộc đơn vị ngữ nghĩa có người xem xét diễn ngôn như là đối tượng của ngôn ngữ văn bản, diễn ngôn chỉ quá trình giao tiếp... Nhưng giữa họ có một điểm chung: coi diễn ngôn là một sản phẩm của hoạt động nói hoặc viết, dù dài hay ngắn đều tạo nên một tổng thể hợp nhất, có chức năng giao tiếp nhất định. Mỗi câu tục ngữ (là một sản phẩm của hoạt động giao tiếp dân gian) có tính chỉnh thể, có nội dung, có mục đích truyền lại cho nhau những kinh nghiệm sống hữu ích. Vậy tục ngữ là một diễn ngôn đặc biệt của tri thức dân gian. Diễn ngôn tục ngữ vừa có tính chất văn học được thể hiện trong hình ảnh, tình cảm, xúc cảm vừa mang tính chất tri thức kinh nghiệm, khoa học thực hành, triết lí thực tiễn. Vì thế mà diễn ngôn tục ngữ có một số phương thức biểu đạt nghĩa đặc biệt.

2. Diễn ngôn tục ngữ biểu đạt nghĩa qua cách nói ngắn gọn. Đọc những câu tục ngữ sau, ta sẽ thấy sức mạnh của sự diễn đạt trong diễn ngôn tục ngữ có thể ngang giá vài ba trang sách diễn giải: “Một mặt người hơn mười mặt ruộng”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”, “Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười ở hẹp người chê”... Tất cả những kiến thức, hiểu biết của dân gian về đời sống xã hội đã được nén chặt trong những tác phẩm rất ngắn - tác phẩm “một câu”. Tục ngữ giống như một cái túi nhỏ mà sự bao chứa của nó thật diệu kì. Nó “ép chặt từng từ như xiết ngón tay thành

quả dấm (...) dè sẻn từng tiếng làm cho lời nói cô đọng, giàu ý nghĩa” (1). Đây cũng là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tục ngữ, lời ít, ý nhiều. Tục ngữ phản ánh được nội dung ngoài chữ nghĩa, lời nén chặt mà nghĩa mở tung. Điều đó hợp với quy luật tồn tại khách quan của tục ngữ trong nghệ thuật truyền khẩu. Tục ngữ trở thành một hoạt động thanh lọc trong sáng tạo nghệ thuật của quần chúng nhân dân qua yếu tố tính lược. Thế loại tục ngữ không làm loãng nội dung trong những ngôn từ thừa thãi. Tục ngữ là sự cô đặc những tri thức về tự nhiên, xã hội một cách tối đa. “Tục ngữ có bao nhiêu là ý nghĩa, bao nhiêu là hiện tượng phong phú... và tất cả bao nhiêu thứ đó được trồng trên một diện tích ngôn ngữ nhỏ hẹp làm sao” (2). Cách nói ngắn gọn được kết hợp với vần và nhịp khiến cho tục ngữ trở thành những “bài thơ” dễ nhớ, những “bài học” tri thức dễ thuộc. Yếu tố vần và nhịp đã tạo nên nét riêng ở diễn ngôn tục ngữ. Trong tục ngữ thường xuất hiện vần liền và vần cách. “Đồng tiền, liền khúc ruột”, “Lời nói, gói bạc”, Một giọt máu đào hơn ao nước lã, Chết cả đồng hơn sống một người... Cách gieo vần, tạo ra sự cân xứng của các vế câu, điều đó khiến cho tác phẩm một câu trở nên dễ nhớ, dễ truyền và dễ dàng phổ biến kinh nghiệm trong sinh hoạt, lao động thực hành. Nhờ vần mà nhịp điệu, âm hưởng của câu trở nên vừa giàu chất thơ, lại dồi dào tính nhạc. Nhịp của những câu tục ngữ như âm vang nhịp điệu chậm rãi đều đều của cuộc sống nông nghiệp. Sự luân phiên của mùa vụ xuân qua hạ tới, sự tuần tự của thời gian cày, bừa, cấy, hái, sự nhịp nhàng của công việc

cây gặt, tát nước gầu đôi, gầu sòng, nhíp giã gạo... tạo nên những kết cấu hài hoà của câu. Những hoạt động trong công việc của cuộc sống nhà nông đã tạo nên vần, nên nhịp của tục ngữ, đó cũng là những khởi đầu của vần nhịp trong thơ sau này.

3. Tục ngữ còn có những cách tạo ra thông điệp diễn ngôn bằng kết cấu về câu. Diễn ngôn tục ngữ được truyền đạt qua kết cấu về câu khá cân đối hài hoà. Phương thức tổ chức được gọi là kết cấu thực chất là "liên kết bên trong, là nghệ thuật kiến trúc nội dung tác phẩm tục ngữ" (3). Những kết cấu đó đều dựa trên những lập luận logic và sự tương quan giữa các hiện tượng. Mỗi cách ngắt nhịp tạo ra một kiểu nghĩa, nhịp trong câu đã tạo ra tiết tấu thẩm mỹ, tiết tấu của cuộc sống, nhịp trở thành cách biểu đạt, phản ánh tri thức văn hóa của người bình dân. Tri thức diễn ngôn trong tục ngữ thường được biểu đạt bằng hai vế cân xứng, nhịp nhàng. (Tất nhiên cũng có kết cấu một vế như "Lạt mềm buộc chặt", "Quạ nào quạ chẳng đen đầu", "Không ai nắm tay nhau ngày đến tối"...). Hai vế đó có quan hệ với nhau hoặc là tương đồng: "Móng đồng vòng tây, không mưa dây cũng bão dật", "Chóp thừng, chóp chèo, chẳng bão thì mưa", "Tắc đất, tắc vàng", "Đất có lè, quê có thói"... hoặc là tương phản: "Có mới, nói cũ", "Được lòng ta xót xa lòng người", "Được mùa cau, đau mùa lúa"... Cũng có khi là quan hệ điều kiện nhân quả: "Muốn ăn cá phải thả câu", "Gieo gió gặt bão", "Có đứt tay mới hay thuốc", quan hệ so sánh: "Nhà không móng như bóng không người", "Com không rau như đau không thuốc", "Trai thấy gái lạ như quạ thấy gà con", quan hệ liệt kê, phát triển: "Nhất con, nhì cháu, thứ sáu người dung", "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"...

Trong giao tiếp lao động hàng ngày, để người đối thoại hiểu nhanh ý tứ, tác giả của diễn ngôn đã chọn những từ ngữ chỉ các sự vật, hiện tượng, hình ảnh thường gặp trong cuộc sống sinh hoạt để tạo nên kết cấu về câu. Những hình ảnh trong vế câu thường cụ thể, phù hợp với nhận thức của người nông dân mộc mạc, chất phác, chân thực, giản dị. Qua hình thức kết cấu hai vế, tục ngữ đã đúc rút được những kinh nghiệm về tự nhiên và xã hội. Những kết cấu đó có mối liên hệ gần gũi với nhau cùng nêu lên những tri thức văn hóa, ứng xử. Nhờ vận dụng tư duy hình tượng, tư duy khái quát và tư duy đối chiếu so sánh mà diễn ngôn tục ngữ đã gọi nên và xếp đặt được những hình ảnh cuộc sống, tri thức lao động của con người vào một văn bản, một khuôn mẫu thống nhất để làm thành "bài học" sẵn có, dễ "nhập tâm" và dễ "vận dụng".

4. Cách phản ánh trực tiếp, gián tiếp cũng là cách biểu đạt đặc biệt trong diễn ngôn tục ngữ. Xuất phát từ cuộc sống lao động của nhân dân, khi muốn trao truyền kinh nghiệm tri

thức cho đời sau về tự nhiên, thời tiết khí hậu hay sản xuất nông nghiệp, người tạo diễn ngôn thường dùng cách phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp. Cách phản ánh trực tiếp như: "Móng dài trời lụt, móng cụt trời mưa" bàn về kinh nghiệm làm ruộng "Cày ải hơn rải phân", "Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen"; kinh nghiệm chăn nuôi "Chó liềm da, gà liềm xương", hay trong ăn uống diễn ngôn tục ngữ cho rằng "Chè trên cháo dưới", "Ăn cơm bỏ thóc, ăn cốc bỏ gạo". Phải nói, sự quan sát tri thức của người tạo diễn ngôn cụ thể đến từng chi tiết: "Kiến bò từ dưới lên trên, mang theo com gạo gây nên mưa rào", "Cò ăn ruộng sâu thì nắng, cò ăn ruộng cạn thì mưa". Cùng một hiện tượng nhưng được nhìn ở nhiều góc độ khác nhau: "Kiến dọn tổ thì trời mưa", "Kiến cánh vờ tổ bay ra, bão táp mưa sa tới gần", "Kiến đen tha trứng lên cao thế nào cũng có mưa rào rất to". Những câu diễn ngôn tục ngữ giới thiệu về tri thức địa phương như: "Ở Định Công, nhân lòng Thanh Liệt (Hà Nội)", "Buổi Đoan Hùng, cam Bó Hạ (Bắc Giang)", "Nhứt Thanh Chương, tương Nam Đàn", "Gạo Cần Đức, nước Đồng Nai", "Ngõng Phong Hoà, gà Cam Giá, cá Liền Thành (Ninh Bình), nem xứ Huế, quế xứ Thanh", "Biển Hoà có buổi Thanh Trà, Thủ Đức nem nướng, điện Bà Tây Ninh", "Trống Chè, mõ Then, kèn Táo, cháo Dương, tương Sủi, củi Đàng, vàng Keo, bèo Trỏ", "Mòng bảy hội Khám, mòng tám hội Dầu, mòng chín đi đâu cũng về hội Giồng", "Trai Cầu Vòng Yên Thế, gái Nội Duệ cầu Lim"... cũng dùng cách phản ánh trực tiếp, và thường gắn với tên địa danh. Lối phản ánh trực tiếp cho ta thấy tác giả tục ngữ luôn tìm cách nói mới mẻ. Cùng một sự vật hiện tượng, mỗi lần được đặt cạnh cái so sánh mới là một lần chúng được phát hiện thêm thuộc tính mới. Nhiều hình ảnh quan sát trực tiếp đã tạo ra cách nói táo bạo, bất ngờ mà hợp lý, gây thú vị cho người nghe.

Bên cạnh cách nói trực tiếp là cách gián tiếp. Cũng qua cách quan sát nghe, nhìn cụ thể từ những hiện tượng xảy ra trong đời sống mà tác giả của diễn ngôn đã gửi gắm vào đó những ý tưởng, nhằm một mục đích không phải miêu tả đơn thuần mà là phản ánh những chiêm nghiệm. Từ một hình tượng cụ thể, người ta có thể liên tưởng tới những vấn đề khác sâu xa của cuộc sống. Ví dụ: "Sậy dần tan nghệ", "Rau nào sâu ấy", "Ở bầu thì tròn ở ống thì dài", "Có sừng thì đừng có nanh", "Cá lớn nuốt cá bé", "Cá mè dề cá chép", "Cá mè một lứa", "Yếu trâu còn hơn khoẻ bò"... Diễn ngôn tục ngữ lúc này mang tính chất hàm ngôn sâu sắc. Cái sắc, cái thông minh của người bình dân đã được thể hiện trong cách nói gián tiếp, khiến cho diễn ngôn một câu có sức mạnh như một mũi tên, chính nhà thơ R.Ganzatôp đã nhận xét: "Kẻ ngu làm người khác kinh ngạc bằng tiếng gào, người

thông minh làm người khác kinh ngạc bằng câu tục ngữ dẫn ra đúng chỗ" (4). Trong cách nói gián tiếp của tục ngữ thì mọi tín hiệu đều được ẩn dụ hoá, những hiện tượng trong lời nói đã vượt xa hình ảnh, tín hiệu ngôn ngữ bình thường quy định. Diễn ngôn tục ngữ xuất hiện trong liên tưởng ngụ ý, với một hoàn cảnh cụ thể của hoạt động giao tiếp. Tư duy cuộc sống nông nghiệp đã chi phối cách nhìn nhận thế giới khách quan và tái hiện thế giới khách quan một cách sống động bằng những tín hiệu vốn có trong đời sống của nhân dân. Cách phản ánh gián tiếp của diễn ngôn tục ngữ là quá trình tạo ra nghĩa bóng. Điểm khởi đầu của câu tục ngữ chỉ là miêu tả một hiện tượng cụ thể bên ngoài, nhưng khi liên hệ diễn ngôn ấy với những hiện tượng khác có cùng bản chất người ta có được nghĩa khái quát. Cách phản ánh gián tiếp chính là sự sáng tạo về nghĩa của diễn ngôn tục ngữ. Viết về điều đó, tác giả Chu Xuân Diên đã khẳng định: *"Tri thức của nhân dân trong tục ngữ được đúc kết lại trong các hình thức phán đoán, suy lý - kết luận, trong quá trình nhận thức, phán đoán và suy lý - kết luận luôn luôn mở rộng tri thức"* (5).

Một phương thức biểu đạt khác trong diễn ngôn tục ngữ còn được thể hiện qua ngôn từ. Một khối lượng tri thức khổng lồ có thể được dồn nén trong một câu như: *"Rau muống làng Lái, con gái làng Than, làm quan làng Chiền, đàn thuyền làng Ló, chạy chợ làng Kênh, chôn chôn làng Mĩ, hậu hủ Phao Chàng, việc làng Phao Tân"*. Với 32 từ, có 8 địa danh đã được nhắc tên. Những địa danh đó đều gọi ra tên đất, tên làng, tên phố, tên chợ gắn liền với cuộc sống thôn quê. Nhờ cách gieo vần liên tiếp nên câu tục ngữ tuy dài mà lại dễ nhớ. Cũng có khi diễn ngôn tục ngữ lại được thể hiện ở những câu rất ngắn, có khi chỉ 3 tiếng: *"Câm như hén", "Dai như chèo", "Chết hết nợ", "Gầy như hạc"*..., 4 tiếng *"Lợn đầu, cau cuối", "Chân cu, bụng bị", "Chó già, gà non"*... Khối lượng tri thức trong câu tục ngữ thường được làm nổi bật qua kết cấu hai vế, được tô đậm bằng vần nhịp, được khắc họa trong ngôn ngữ đa thanh, đa chiều. *"Sự chuyển hoá nội dung vào hình thức, đạo lý, chân lý vào chữ, vào câu, thông qua một thi pháp phản ánh một kiểu sáng tác theo lẽ lối của văn học. Ở đây vừa có sự phản ánh vừa có sự sáng tạo vừa có những lời nói cụ thể, vừa có sự gửi gắm và đón mời"* (6). Đó là cách giúp chúng ta nhận diện diễn ngôn tục ngữ dễ dàng hơn, chính *"văn hoá và các chuẩn mực của văn hoá đã quy định việc dùng ngôn ngữ, chi phối việc tạo dựng diễn ngôn, cách thức mã hoá - giải mã thông điệp. Ngôn ngữ chi phối quá trình tư duy của con người, đồng thời qua ngôn ngữ quá trình tư duy đó được hiện hữu"* (7).

Con đường sáng tạo diễn ngôn tục ngữ đã bộc lộ lối nghĩ của dân gian - một lối nghĩ dựa vào kinh nghiệm, nhưng đã có mầm mống của tư duy khoa học, tư duy lí luận, tư duy ngôn ngữ. Lối nói, lối nghĩ của người bình dân đã thể hiện rất rõ trong cách biểu đạt nghĩa ở diễn ngôn tục ngữ.

5. Diễn ngôn tục ngữ được hình thành từ lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nó không chỉ là ý đẹp mà còn là lời hay. Diễn ngôn tục ngữ có sự hoà đồng của nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Mặc dù mang tính khẩu ngữ cao nhưng diễn ngôn tục ngữ là thông điệp nghệ thuật, và đó là *"Thông điệp nghệ thuật một câu"*. Diễn ngôn ấy là những lời ước vắn hóa mang tính hình tượng sâu sắc, nó thể hiện rất rõ lối nói có hình tượng và nói bằng hình tượng của nhân dân. Hình tượng sơ khai trong tục ngữ đã góp phần tích cực vào việc phổ biến kinh nghiệm thực hành triết lí của nhân dân trong cuộc sống thực tiễn.

Diễn ngôn tục ngữ vừa là cách tổng hợp tri thức mang tính phán đoán làm cơ sở cho lập luận khoa học, lại vừa là *"Bài thơ ngắn nhất"*, vừa là phát ngôn phong phú về nội dung lại vừa là văn bản nhỏ nhất về kết cấu. Nói đến diễn ngôn tục ngữ là nói đến tri thức khoa học, văn hóa ứng xử của dân gian. Diễn ngôn tục ngữ là một sáng tạo tổng hợp trong rất nhiều những sáng tạo diệu kì của dân gian. Nó là diễn ngôn mang tính chỉnh thể, được tổ chức, được cấu trúc theo những quy tắc, trật tự nhất định. Diễn ngôn tục ngữ có những kí hiệu, quy ước riêng, khi nghiên cứu tục ngữ, nếu người nghiên cứu đặt tục ngữ trong hệ thống phương thức biểu đạt thì sẽ khám phá được nhiều hơn những gì mà tục ngữ thể hiện. Ngoài phương thức biểu đạt trong diễn ngôn tục ngữ còn có cả cách nhìn, quan niệm, tư tưởng của cả cộng đồng chủ thể phát ngôn.

Tài liệu tham khảo

- (1), (2). Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục Hà Nội.
3. Phan Thị Đào (1999), *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, NXB Thuận Hóa.
4. Nguyễn Thái Hòa (1997), *Tục ngữ Việt Nam, Cấu trúc và thi pháp*, NXB Khoa học Xã hội.
5. Chu Xuân Diên (2006), *Văn hóa dân gian mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, NXB Khoa học xã hội.
6. Ngô Đức Thịnh - Phan Proschan (2005), *Folklore thế giới- Một số công trình nghiên cứu cơ bản*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Hòa, *Khía cạnh văn hóa của phân tích diễn ngôn*, Tạp chí Ngôn ngữ số 12-2005, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-03-2012)